



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM TRAN KINH
Last Middle First

Current Address: 58/2A Quan Su St., P.11, Q.11, HCM

Date of Birth: 5/21/42 Place of Birth: SAIGON - VIET NAM

Previous Occupation (before 1975) LT.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 5/75 To 4/78
Years: 3 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Saigon 10-4-90

Kính thưa Bà hội trưởng.

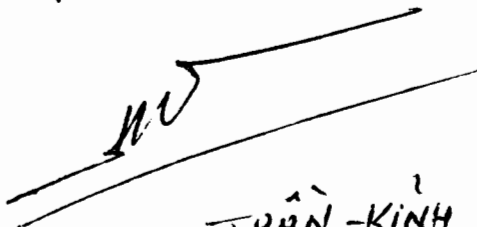
Đầu tháng 3/90 tôi có được một người bạn Phan-V. Thìn ở DALAT trong diện HO2 cho xem thư phúc đáp của hội.

Tôi như bừng vỡ sung sướng một niềm hy vọng. Kể từ đây tôi có một duyên mai chớ vừa tình thới về chánh trị. Thư thật với tho của hội là niềm thúc đẩy mạnh nhất thúc hối tôi lần đầu xin đi diện HO.

Kính mong với uy tín của hội để hỗ trợ chánh trị cho hội do tôi được có quan hệ của xét để - dưng.

Chân thành cảm tạ Bà hội trưởng cùng ban chấp hành, lòng biết ơn cao cả của tôi. Và kính chúc sức khỏe hội cùng. Vững tiến thắng hoa để đón kỷ nguyên 2000.

Kính thư


TRẦN-KINH

QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL PRISONER IN VIET NAM

I.- BASIC INFORMATION APPLICANT IN VIET NAM.-

- 1.- Full name of Ex-Political Prisoner : **TRẦN KINH**
- 2.- Date and place of birth : **May 21, 1942 SAIGON, VIETNAM**
- 3.- Position before April 1975 :
Rank : LIEUTENANT.
Function : TRAINING OFFICER
Military serial number : 62A/TH2-380
- 4.- Month/date, year arrested : **May 25, 1975**
- 5.- Month/Date/Year out of camp : **APRIL 30, 1978**
- 6.- Photocopy of release certificate :
- 7.- Present mailing address of Ex-Political Prisoner :
TRẦN KINH, 58/2A Quynh Sợ street, Phường 11, Quận 11, HOCHIMINH-CITY, VN
- 8.- Current address : **-idem-**

II.- LIST FULL NAME, DATE OF BIRTH, PLACE OF BIRTH OF EX-POLITICAL PRISONNER

immediately family and father, mother...

- 1.- Relative to accompany with Political Prisoner to be consided for
US country :

<u>Name</u>	<u>Date of birth</u>	<u>Place of birth</u>	<u>Relationship</u>
1/ Nguyễn thị Tân	1943	SAIGON, VIETNAM	P. Wife
2/ Trần công Minh	1969	"	M. Son
3/ Trần công Hiệp	1971	"	M. Son
4/ Trần bạch Yến	1976	"	P. Daughter

- 2.- Complete family (living-dead) of Ex-Political Prisoner :

<u>Name</u>	<u>Address</u>
- Father : TRẦN MINH	Dead
- Mother : NGUYỄN THỊ KHỎA	Dead
- Spouse : NGUYỄN THỊ TÂN	58/2A đường Quynh Sợ, P.11, Q.11, HCM-CITY
- Children :	
1/ Trần công Minh, Son	-idem-
2/ Trần công Hiệp, Son	-idem-
3/ Trần bạch Yến, Daughter	-idem-
-Siblings :	
1/ Sister : Trần thị Phượng 58/20 đường Quynh Sợ, P.11, Q.11, HCM-CITY	
2/ : Trần Viên 58/20 đường Quynh Sợ P.11, Q.11, HCM-CITY	

III.- RELATIVE OUTSIDE OF VIETNAM.-**1.- Closest relative in US ; No.**

Name :

Relationship :

Address :

PHIHO, AN THUY P. NGUYEN,
U.S.A.

.HARTFORD, CT .06107

2.- Closest relative in other country ; No

Name :

Relation :

Address :

Name :

Relation :

IV.- Have you submitted the Application for family reunification until now ?

NO.

Reply from BANGKOK ODP - Reference ; None.

The ODP Bangkok L.Q.I. ; None.

V.- COMMENT - REMARK.-**LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE.-**

- 1/ Release certificate No 147/QG.7/2
- 2/ Photocopy of marriage certificate.
- 3/ 5 birth certificates.
- 4/ 05 photographs.
- 5/ Popular identity card (5)
- 6/ Reconsentment family.

Signature,

Date ; APRIL 1, 1990

TRAN KINH

BỘ QUỐC PHÒNG

Cục Quân Pháp

SƯ ĐOÀN 3

Số: 147/HC-7/2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đồng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07/TĐ/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thí hành quyết định số 67/QĐ ngày 30/03/1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: TRẦN KINH
Ngày, tháng, năm sinh: 1942
Quê quán: Chợ Lớn
Trú quán: _____
Nơi cho về: Sông Bé
Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 62/122300
Trung úy, M.V. tổ chức thảo luận võ thuật

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: 2/4 Kinh tế mới Cây trường 2 thuộc Huyện,

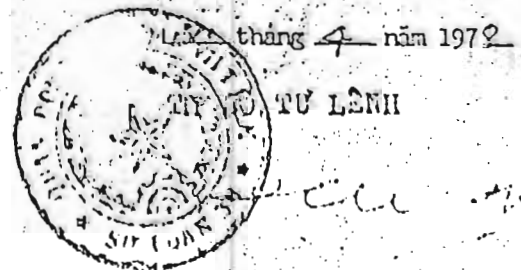
Quận: Bến Cát Tỉnh, Thành phố: Sông Bé

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: sáu tháng

- Thời hạn đi đường: Hai ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường để cấp: _____
(Cố định cấp) (hàng tháng)



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 589005 CN

Họ và tên chủ hộ :

Trần Kim

Ấp, ngõ, số nhà :

58/2A

Thị trấn, đường phố :

Phạm Sơn

Xã, phường :

11

Huyện, quận :

11

Ngày 29 tháng 09 năm 1987

Trưởng công an

Phạm Sơn

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số NK 3 :

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~21-05-1942~~

Họ tên **TRẦN KINH**



Sinh ngày **21-05-1942**

Nguyên quán **Quận 6**

..... **TP. Hồ Chí Minh**

Nơi thường trú **58/2A Lê Thị-
Bạch Cát, P.11Q11, TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc: <u>Kinh</u> Tôn giáo: <u>Phật</u>	
 NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH <u>3go chạm C, 2cm sau</u> <u>cạnh mũi trái.</u>
	<u>22 tháng 12 năm 1989</u> CHAM DẤU HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN  <u>Trần Văn...</u>
 NGÓN TRỎ PHẢI	

Số 118 /SY UB
 CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH
 Xuất trình tại UBND Phường Uyên
 Ngày 17 tháng 1 năm 19 90
 Ủy ban UBND P. 11 - G. 11
 Thủ tịch,

Dương Công Khanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **280162055**

Họ tên: **HUỲNH THỊ TÂN.**

Sinh ngày: **07-04-1943**

Nguyên quán: **Gia- Định.**

Nơi thường trú: **Cây Trùng 2
Ben - Cát, Sông - Bé.**

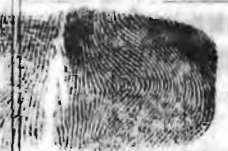
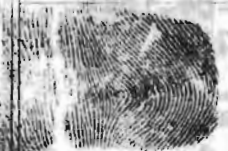
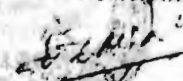


Số: **117** /SY-UB,
CHỨNG NHÂN GIỐNG Y BẢN CHÍNH
Xuất trình tại UBND Phường **1004**
Ngày **17** tháng **1** năm **1990**
UBND.P.11.Q.11
Chủ tịch,

Trương Công Khanh

BỘ Y SỰ
HÌNH HẠ VẬT
KHOA Y SỰ
Ngày 02 tháng 01 năm 1979
H. D. N. F. O. H. U. S. A.
T. S. U. S. A.

Đã được cấp giấy

Dân tộc	kinh	Tôn giáo:	Phật
		NGON TRỎ TRẠI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC LƯU HÌNH
			Trần nhạng C. 4 cm dưới sau mép phải.
		NGON TRỎ PHẢI	Ngày 02 tháng 01 năm 1979 KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN PHÓ TRƯỞNG TY  Trần Đức Hoàng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **024533T**

Họ tên **TRẦN CÔNG LINH**

Sinh ngày **30-05-1977**

Nguyên quán **Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh.**

Nơi thường trú **8/2A Quận 5, 11, 2, 11, T. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo tháng 10, 1988
trên gàu ngón trái

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 05 tháng 9 năm 1988

VI/GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Pho
Lâm Văn Thọ

Số 119/5Y-UB,
CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH
Xuất trình tại UBND Phường 11 Q.11
Ngày 05 tháng 9 năm 1988
T. 11 Q. 11



Huân chương,
Đường Công Thành



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022533371**

Họ tên **TRẦN CÔNG HIỆP**

Sinh ngày **17-01-1971**

Nguyên quán **Quận 11**

TP. Hồ Chí Minh

Nơi thường trú **58/2^A Quận 5**
P.11, Q.11, TP. Hồ Chí Minh



Số **119** /SY-UB
CHỨC NHÂN GIỐNG Y BẢN CHÍNH
Ủy ban An ninh UBND Phường **Ubu**

Ngày **17** tháng **1** năm **1300**

QUẬN 11, P. 11, Q. 11

MIỀN

Trần Công Hiệp

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Phật**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chàm c, 2cm trên
sau cạnh mũi phải.

Ngày 06 tháng 09 năm 1988

KIỂM ĐỌC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Lưu Văn Chê

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BẢN TRÍCH LỤC

XÃ THÀNH MỸ TÂYTỈNH GIA ĐỊNHBỘ HÔN-THÚ (Bậc I)Năm 1965

HỒ SƠ QUẢN ĐỘI

Số hiệu: 62

Người chồng: (Tên, họ)	TRẦN BÌNH
Sanh tại:	Chợ Lớn
Sanh ngày:	21 - 5 - 1942
Cha chồng: (Tên họ, sống chết phải nói)	TRẦN NINH (s)
Mẹ chồng: (Tên họ, sống chết phải nói)	HUYỀN THỊ KHỎE (s)
Người vợ (Tên, họ)	HUYỀN THỊ TÂN
Vợ (chánh hay vợ thứ)	Vợ chánh
Sanh tại:	Hạnh Thông Xã (Gia Định)
Sanh ngày:	7 - 4 - 1943
Cha vợ: (Tên họ, sống chết phải nói)	HUYỀN VĂN QUỐC (s)
Mẹ vợ: (Tên họ, sống chết phải nói)	TRẦN THỊ PHI (s)
Ngày cưới:	14 - 5 - 1965
Vợ chồng có khai nhận con tư-sanh làm con chánh-thứ không? Họ: tên, tuổi, ngày sanh, nơi sanh, của mỗi con tư-sanh nhận là con chánh-thứ.	

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chu - Tịch
 kiêm Ủy viên Hộ-tịch Xã

Trích y bản chánh:

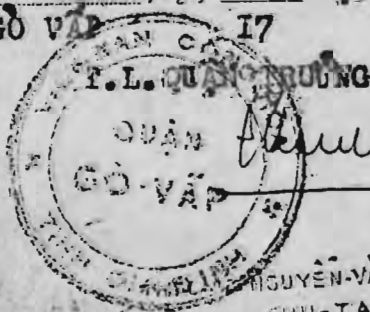
, ngày tháng năm 196

GÒ VẤP

17

10

7



NGUYỄN-VĂN-THANH
 PHU-TA

THÀNH MỸ TÂY

Ủy-v. 16 Hộ-t. 20

7

X. L. T. V. CH. T. V. Ủy Ban Hộ-t. Chính T. V.
 Ủy Ban Hộ-t. Chính T. V.



NGUYỄN-VĂN-THANH
 PHU-TA

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3

Xã, phường.....

Số.....4180.....

Huyện, Quận.....

Quyền số.....

Tỉnh, Thành phố...CHOLON...



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên TRẦN KINH LÒN JUNEAU Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh Hai mươi một tháng năm năm một chín bốn mươi hai
(21.5.1942)
Nơi sinh Đường Armend Rousseau
Dân tộc _____ Quốc tịch _____

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>HUỲNH THỊ KHOẢ</u>	<u>TRẦN KINH</u>
Tuổi		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp	<u>Không nghề</u>	<u>Công nhật</u>
Nơi thường trú	<u>Đường Armend Rousseau</u>	

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Cha 39 t

Đăng ký ngày 27 tháng 5 năm 1942

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

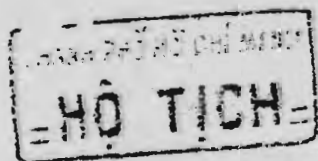
Người đứng khai

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 29 tháng 4 năm 1990

T/M UBND

Phòng



VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

NỘ TƯ - PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ - PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SƠ-THẨM SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

HANH THONG XA

GIA ĐÌNH

(NAM-PHẦN)

(Sud-Viêt-Nam)

NĂM 1943

(Année)

SỐ HIỆU 283

(Acte No)

Tôi tên Huỳnh văn

Quốc và vợ Trần thị Phi

nhận đứa nhỏ này là con

ruột nên khai theo họ

cha.



Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Huỳnh thị Tấn
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Con gái
Sinh ngày nào (Date de naissance)	7 / 4 / 1943
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Hạnh thông xã
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Huỳnh văn Quốc
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm vườn
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Hạnh thông xã
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần thị Phi
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm việc nhà
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Hạnh thông xã
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	—

Chúng tôi, Tôn thất Hiệp

(Nous)

được Chánh-án Toà Saigon U.N.

(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của

(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Nguyễn An Hồng

(A.)

CHỖ LỤC-sự Toà-án sở tại.

(Greffier en Chef du dit Tribunal).

Saigon, ngày 16 / 5 / 1963

T. U. N. CHÁNH-ÁN,

THẨM-PHẦN.

Trích y bản chánh :

(Pour extrait conforme) :

Saigon, ngày 16 / 5 / 1963

CHỖ LỤC-SỰ,

(LE GREFFIER EN CHEF)



Gia tiền: 5\$

(Coût)

Biên-lai số

(Quittance no)



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xa, Thị trấn.....

Thị xã, Quận Cố Định.....

Thành phố, Tỉnh—~~Già-Linh~~

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số

Quyền số_____

[illegible]

Họ và tên	TRẦN - CÔNG - BÌNH		Nam, nữ <u>nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	Ngày 19 Tháng 05 Năm 1965		
Nơi sinh	Thành - Hồ - Chí - Minh		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Trần Kình	Huỳnh Thị Liên	
Dân tộc			
Quốc tịch		//	
Nghề nghiệp	Quản - Lý	Hội - Trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	Thành - Hồ - Chí - Minh		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	//		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng

TM/UBND



Đã ký ngày 2 tháng 5 năm 69
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Thư xin Long

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

XÃ THANH-MỸ-TÂY

HỒ SƠ QUÂN ĐỘI
BẢN TRÍCH LỤC

BỘ KHAI-SANH

Năm 1971

Số hiệu 116

Tên, họ ấu nhi	TRẦN - CÔNG - HIỆP
Phái	Nam
Sanh	Ngày mười bảy tháng một năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (3g25)
(ngày, tháng, năm)	
Tại	Thanh - Mỹ - Tây
Cha	TRẦN - KINH
(Tên, họ)	
Nghề	Quản - Nhân
Cư trú tại	Thanh - Mỹ - Tây
Mẹ	NGUYỄN - THỊ TÂN
(Tên, họ)	
Nghề	Hội trợ
Cư trú lại	Thanh - Mỹ - Tây
Vợ	Vợ - Cảnh
(Chánh hay thứ)	

Chúng thật chữ ký bên đây là của Ông Ủy-viên

Hộ-tịch Xã Thanh-Mỹ-Tây

CĐ-Vấp, ngày tháng năm 19

T.L. QUẬN-TRƯỞNG,

Trích y bốn chánh :

Thanh-Mỹ-Tây, ngày 21 tháng 1 năm 1971

UY-VIÊN HỘ-TỊCH,

NGUYỄN THỊ
KĐ. Trưởng U.B.H.C.

BUI VĂN GIANG

NGUYỄN VĂN BUD

Quyền số

NGUYỄN



TRẦN-KINH



HUỲNH-THỊ-TÂN



TRẦN
Công Bình



TRẦN
Công Hiệp



TRẦN
Bạch Yến

From: TRẦN-KINH¹²

58/2^A QUÂN SỰ F11-Q11

CITY H.C.M

VIỆT-NAM

Bà: KHUẾ-MINH-THỦ

PO. BOX 5435 ARLINGTON

VA 22205 - 0635

U.S.A

MAY 24 1990

TL: 0,055 - 14600